

Số: 295 /TB-QBVR

Điện Biên, ngày 05 tháng 8 năm 2020

THÔNG BÁO

Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2020 cho chủ rừng là tổ chức và diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê giao UBND các xã, thị trấn quản lý trên địa bàn huyện Mường Chà

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt Kế hoạch thu, chi và dự toán chi quản lý năm 2020 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên; Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 30/7/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh Kế hoạch chi và dự toán chi quản lý năm 2020 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên; Số liệu kiểm tra, xác minh, bảng tổng hợp diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2019 của Quỹ tỉnh phối hợp với Chi cục Kiểm lâm tỉnh, Hạt kiểm lâm huyện, UBND xã, thị trấn và chủ rừng.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo Kế hoạch thu, chi năm 2020 cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Mường Chà, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch thu

STT	Bên sử dụng DVMTR	Đơn vị	Sản lượng	Mức chi trả (đồng)	Thành tiền
1	Công ty thủy Điện Sơn La	KWh	2.501.910.960	36	90.068.794.543
2	Công ty thủy Điện Hòa Bình	KWh	1.919.964.107	36	69.118.707.867
3	Công ty CP Nước sạch Vinaconex	M ³	23.048.859	52	1.198.540.658
4	Nhà máy thủy điện Nậm Mức	KWh	140.000.000	36	5.040.000.000
5	Nhà máy thủy điện Nậm He	KWh	40.769.640	36	1.467.707.040
6	Nhà máy thủy điện Trung Thu	KWh	113.000.000	36	4.068.000.000

2. Kế hoạch chi

2.1. Lưu vực Sông Đà

STT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá dự kiến (đ/ha)	Số tiền dự kiến chi trả (đồng)
1	Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà	3.250,920	3.239,323	583.548	1.890.301.958
2	UBND xã Mường Mươn	152,250	152,250	583.548	88.845.254
3	UBND xã Na Sang	171,900	171,900	583.548	100.311.981
4	UBND thị trấn Mường Chà	114,420	114,420	583.548	66.769.615
5	UBND xã Ma Thi Hồ	424,740	424,397	583.548	247.656.217
6	UBND xã Sa Lông	509,810	508,329	583.548	296.634.607
7	UBND xã Huổi Lèng	400,710	400,680	583.548	233.816.198
8	UBND xã Mường Tùng	446,950	446,950	583.548	260.816.986
9	UBND xã Sá Tổng	241,790	240,896	583.548	140.574.491
10	UBND xã Pa Ham	8,110	8,110	583.548	4.732.578
11	UBND xã Nậm Nèn	97,750	97,750	583.548	57.041.862
12	UBND xã Huổi Mí	101,440	101,440	583.548	59.195.156
13	UBND xã Hừa Ngải	354,790	354,790	583.548	207.037.159
Tổng Cộng		6.275,580	6.261,235		3.653.734.062

2.2. Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm He

STT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá dự kiến (đ/ha)	Số tiền dự kiến chi trả (đồng)
1	Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà	2.915,040	2.915,040	123.373	349.032.242
2	UBND xã Ma Thi Hồ	8,940	8,940	123.373	1.070.431
3	UBND xã Huổi Lèng	49,180	49,180	123.373	5.888.566

4	UBND xã Mường Tùng	258,300	258,300	123.373	34.160.388
Tổng cộng		3.231,460	3.231,460		390.151.627

2.3. Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm Múc

STT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá dự kiến (đ/ha)	Số tiền dự kiến chi trả (đồng)
1	UBND xã Mường Mươn	152,250	152,250	141.705	21.574.586
2	UBND xã Na Sang	171,900	171,900	141.705	24.359.090
3	UBND thị trấn Mường Chà	114,420	114,420	141.705	16.213.886
4	UBND xã Ma Thi Hồ	417,630	417,287	141.705	59.131.654
5	UBND xã Sa Lông	458,150	458,150	141.705	64.922.146
6	UBND xã Nậm Nèn	37,130	37,130	141.705	5.261.507
7	UBND xã Huổi Mí	92,700	92,700	141.705	13.136.054
Tổng cộng		1.444,180	1.443,837		204.598.922

2.4. Lưu vực nhà máy thủy điện Trung Thu

STT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá dự kiến (đ/ha)	Số tiền dự kiến chi trả (đồng)
1	UBND xã Mường Mươn	152,250	152,250	65.752	10.010.742
2	UBND xã Na Sang	171,900	171,900	65.752	11.302.769
3	UBND thị trấn Mường Chà	114,420	114,420	65.752	7.523.344
4	UBND xã Ma Thi Hồ	417,630	417,287	65.752	27.437.455
5	UBND xã Sa Lông	458,150	458,150	65.752	30.124.279

6	UBND xã Sá Tổng	241,790	240,896	65.752	15.839.394
7	UBND xã Pa Ham	8,110	8,110	65.752	533.249
8	UBND xã Nậm Nèn	97,750	97,750	65.752	6.427.258
9	UBND xã Huổi Mí	101,440	101,440	65.752	6.669.883
10	UBND xã Hừa Ngài	354,790	354,790	65.752	23.328.152
Tổng cộng		2.118,230	2.116,993		139.196.524

Căn cứ vào diện tích rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng, số tiền dự kiến chi trả DVMTR năm 2020 theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Đề nghị Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Mường Chà, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Mường Chà xây dựng phương án sử dụng tiền DVMTR, theo Quy định tại Khoản 4 điều 70 Nghị định 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và Hướng dẫn số 1113/HDLN-SNNPTNT-STC ngày 11/6/2020 của liên ngành Sở Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn - Sở Tài Chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền DVMTR đối với UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Quý Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo để Ban quản lý rừng phòng hộ huyện, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Mường Chà xây dựng kế hoạch thu, chi theo quy định. /.

[Handwritten signature]

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- UBND huyện Mường Chà (chỉ đạo);
- Ban QLRPH huyện Mường Chà;
- UBND các xã, thị trấn: Mường Mươn, Na Sang, Ma Thì Hồ, Sa Lông, Huổi Lèng, Mường Tùng, Sá Tổng, Pa Ham, Nậm Nèn, Huổi Mí, Hừa Ngài, thị trấn Mường Chà;
- Lưu: VT, KH-KT. *[Handwritten signature]*

GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]

Đặng Thị Thu Hiền